TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1897/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bích Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hễ;

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 577/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5319/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Diệp T, sinh năm: 1965
Địa chỉ: Căn hộ B2.9.17 Chung cư P - số 89/57 đường số N, Phường B, quận GV, Thành phố H.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ T, sinh năm: 1965
Địa chỉ: 5805 Rockport Ln, Haltom City TX76137, USA.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15.11.2017 và trong quá trình tố tụng, ông Diệp T - nguyên đơn trình bày:

Năm 1986, ông và bà Võ T tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện TS, tỉnh NB – nay là tỉnh BĐ (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35, quyển số 01 ngày 02.7.1986).

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến xung đột, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên năm 2013 bà T

qua Mỹ sau đó không quay trở về, vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ năm 2013 đến nay.

Ông T cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Võ T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Diệp L, sinh năm 1987 và Diệp C, sinh năm 1990. Do các con đều đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bà Võ T không có mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Diệp T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Võ T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Diệp T và bà Võ T là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn bà Võ T theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 19.6.2018, Tòa án nhân dân Thành phố H nhận được văn bản của Bộ Tư pháp về việc không thực hiện được ủy thác do đương sự không còn ở địa chỉ được yêu cầu ủy thác nên ngày 12.11.2018, Tòa án gửi văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo trên cổng

thông tin điện tử của Đại sứ quán theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa bị đơn không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27.12.2017, nguyên đơn ông Diệp T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số hôn số 35, quyển số 01 ngày 02.7.1986 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện TS, tỉnh NB (nay là tỉnh BĐ) cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Diệp T và bà Võ T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn ông Diệp T thì bà Võ T hiện đang sinh sống, làm việc ở Hoa Kỳ còn ông ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; bên cạnh đó sau thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho bà Võ T biết yêu cầu ly hôn của ông Diệp T và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy bà Võ T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông T, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Diệp T và bà Võ T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông T có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông T và bà Thủy có 02 con chung tên Diệp L, sinh năm 1987 (đã trưởng thành) và Diệp C, sinh năm 1990 (đã trưởng thành).

Về nợ chung và tài sản chung: Ông T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Diệp T chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Diệp T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Diệp T được ly hôn với bà Võ T.

- Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Diệp T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2017/0048311 ngày 07.12.2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông T không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Diệp T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Bà Võ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan